Số: 4963/QĐ-SGDĐT
Thời gian ký: 2026-09-29T11:11:46+07:00

PHỤ LỤC
PHÂN BỔ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN KINH PHÍ CẤP BÙ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 238/2025/NĐ-CP CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày / 9 /2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị, nội dung	Mã QHNS	Mã KBNN	Kinh phí không tự chủ	Ghi chú
	Tổng cộng			**79.541**	
Chương: 422; Loại 070; Khoản 074, nguồn 12				**74.824**	
1	Trường THPT Quốc học Quy Nhơn	1072063	2011	1.555	
2	Trường THPT Trưng Vương	1072064	2011	1.534	
3	Trường THPT Hùng Vương	1072285	2011	2.388	
4	Trường THPT số 1 Trần Cao Vân	1071445	2011	2.949	
5	Trường THPT số 1 Tuy Phước	1072315	2016	2.017	
6	Trường THPT số 2 Tuy Phước	1072060	2016	1.427	
7	Trường THPT Nguyễn Diêu	1072293	2016	1.029	
8	Trường THPT số 1 An Nhơn	1072290	2016	2.052	
9	Trường THPT số 2 An Nhơn	1072754	2016	2.185	
10	Trường THPT số 3 An Nhơn	1072748	2016	1.364	
11	Trường THPT Hòa Bình	1072749	2016	980	
12	Trường THPT số 1 Quang Trung	1072287	2017	1.564	
13	Trường THPT Tây Sơn	1072288	2017	787	
14	Trường THCS & THPT Võ Lai	1176376	2017	390	
15	Trường THPT số 1 Phù Cát	1072750	2015	1.456	
16	Trường THPT số 2 Phù Cát	1072567	2015	699	
17	Trường THCS & THPT Phù Cát	1175594	2015	529	
18	Trường THPT Nguyễn Hồng Đạo	1104998	2015	745	
19	Trường THPT Ngô Lê Tân	1124117	2015	755	
20	Trường THPT Nguyễn Hữu Quang	1072715	2015	560	
21	Trường THPT số 1 Phù Mỹ	1072316	2015	1.169	
22	Trường THPT số 2 Phù Mỹ	1072568	2015	1.336	
23	Trường THCS & THPT An Lương	1175497	2015	495	
24	Trường THPT Mỹ Thọ	1118062	2015	852	
25	Trường THPT Tăng Bạt Hổ	1072979	2021	2.406	
26	Trường THPT Nguyễn Trân	1072980	2021	2.473	
27	Trường THPT Lý Tự Trọng	1072982	2021	1.314	

STT	Đơn vị, nội dung	Mã QHNS	Mã KBNN	Kinh phí không tự chủ	Ghi chú
28	Trường THPT số 1 Nguyễn Du	1072981	2021	1.601	
29	Trường THPT Hoài Ân	1072988	2021	764	
30	Trường THCS & THPT Võ Giữ	1175500	2021	526	
31	Trường THPT Trần Quang Diệu	1085145	2021	402	
32	Trường THPT Vân Canh	1091269	2016	191	
33	Trường THPT Vĩnh Thạnh	1085149	2017	629	
34	Trường THCS & THPT An Lão	1175494	2021	235	
35	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	1072286	2011	996	
36	Trường THPT Chuyên Chu Văn An	1125447	2021	837	
37	Trường PTDTNT THPT số 1 tỉnh Gia Lai	1071441	2011	389	
38	Trường PTDTNT THCS và THPT Vân Canh	1072119	2016	297	
39	Trường PTDTNT THCS và THPT Vĩnh Thạnh	1071439	2017	279	
40	Trường PTDTNT THCS và THPT An Lão	1124630	2021	217	
41	Trường PTDTNT THPT số 2 tỉnh Gia Lai	1092154	2024	432	
42	Trường PTDTNT THPT Đông Gia Lai	1120687	2027	481	
43	Trường THPT Lương Thế Vinh	1093289	2034	470	
44	Trường THCS và THPT Kon Hà Nừng	1127321	2034	93	
45	Trường THCS & THPT Anh Hùng Núp	1175374	2034	171	
46	Trường THPT số 2 Quang Trung	1076483	2027	2.176	
47	Trường THPT Nguyễn Trãi	1040618	2027	1.184	
48	Trường THCS và THPT Y Đôn	1098867	2027	320	
49	Trường THPT Hà Huy Tập	1088699	2027	406	
50	Trường THPT Trần Hưng Đạo	1076619	2028	593	
51	Trường THCS và THPT Kpă Klơng	1092161	2028	262	
52	Trường THPT số 2 Nguyễn Trường Tộ	1095825	2031	276	
53	Trường THPT Lê Hoàn	1076622	2031	524	
54	Trường THPT Tôn Đức Thắng	1114896	2031	185	
55	Trường THCS và THPT Nguyễn Văn Cừ	1098663	2029	274	
56	Trường THPT số 2 Trần Cao Vân	1124277	2029	379	
57	Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	1175495	2029	1.125	
58	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1092193	2030	751	
59	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	1088684	2030	297	
60	Trường THCS & THPT Phan Chu Trinh	1175588	2030	153	
61	Trường THPT Lê Thánh Tông	1086813	2030	2.135	

STT	Đơn vị, nội dung	Mã QHNS	Mã KBNN	Kinh phí không tự chủ	Ghi chú
62	Trường THCS & THPT Đinh Tiên Hoàng	1175589	2033	157	
63	Trường THPT số 2 Nguyễn Du	1088642	2033	273	
64	Trường THPT Chu Văn An	1076244	2033	489	
65	Trường THCS & THPT Ya Ly	1175593	2025	272	
66	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	1076621	2025	389	
67	Trường THCS và THPT Phạm Hồng Thái	1098726	2025	244	
68	Trường THPT số 2 Nguyễn Thái Học	1040380	2029	452	
69	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	1157165	2029	260	
70	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	1087927	2026	622	
71	Trường THPT A Sanh	1120676	2026	480	
72	Trường THCS & THPT Phạm Văn Đồng	1175590	2024	254	
73	Trường THPT Trần Phú	1087585	2032	316	
74	Trường THPT Lê Quý Đôn	1076478	2032	636	
75	Trường THPT Pleime	1118166	2032	356	
76	Trường THPT số 2 Nguyễn Huệ	1076245	2028	578	
77	Trường THPT Lê Hồng Phong	1029913	2028	301	
78	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	1118119	2028	319	
79	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	1029919	2024	1.880	
80	Trường THPT số 2 Phan Bội Châu	1092192	2024	2.048	
81	Trường THPT chuyên Hùng Vương	1076711	2024	1.463	
82	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	1092191	2024	1.933	
83	Trường THPT Lê Lợi	1092156	2024	1.837	
84	Trường THPT Pleiku	1076710	2024	2.205	
Chương: 422; Loại 070; Khoản 075, nguồn 12				**4.717**	
1	Trung tâm GDNN-GDTX tỉnh	1071371	2011	1.545	
2	Trung tâm GDNN-GDTX An Nhơn	1072128	2016	629	
3	Trung tâm GDNN-GDTX Hoài Nhơn	1072392	2021	816	
4	Trung tâm GDNN-GDTX Tuy Phước	1072220	2016	205	
5	Trung tâm GDNN-GDTX Phù Cát	1072127	2015	577	
6	Trung tâm GDNN-GDTX Phù Mỹ	1124499	2015	263	
7	Trung tâm GDNN-GDTX Tây Sơn	1124734	2017	184	
8	Trung tâm GDNN-GDTX Hoài Ân	1072118	2021	165	
9	Trung tâm GDNN-GDTX Chư Păh	1102761	2025	20	
10	Trung tâm GDNN-GDTX Chư Prông	1101191	2032	48	

STT	Đơn vị, nội dung	Mã QHNS	Mã KBNN	Kinh phí không tự chủ	Ghi chú
11	Trung tâm GDNN-GDTX Đức Cơ	1103230	2031	79	
12	Trung tâm GDNN-GDTX Chư Sê	1087892	2029	44	
13	Trung tâm GDNN-GDTX Krông Pa	1104727	2033	17	
14	Trung tâm GDNN-GDTX Kbang	1099991	2034	46	
15	Trung tâm GDNN-GDTX Mang Yang	1121364	2028	79	